TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST Ngày: 30 tháng 6 năm 2021 *V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mý và ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy Q, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ hiện tại: Thôn S, xã Th, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Bị đơn: Lê Hải D, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ hiện tại: Số X, đường L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 9 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy Q và anh Lê Hải D tự nguyện kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46 ngày 15/01/2010 của UBND xã S, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Từ khi kết hôn hai vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh D mê chơi Game, không lo làm ăn, mọi chi phí sinh hoạt đều do chị Q trực tiếp làm ra. Chị Q nhiều lần góp ý nhưng anh D không nghe, sau đó hay xảy ra tranh cãi, dọa nạt, đòi chém giết. Chị Q đã bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống từ ngày

21/8/2020. Mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Q và anh D đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị Q và anh D có 01 con chung là cháu Lê Trần Bảo L, sinh ngày 28/9/2012. Tại đơn khởi kiện, chị Q yêu cầu để anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/3/2021, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L vì lý do cháu L muốn chung sống với mẹ. Tại phiên tòa, chị Q thay đổi yêu cầu về người trực tiếp nuôi con, đồng ý để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Chị Q cung cấp cho Tòa án Đơn trình bày nguyện vọng ghi tên cháu L thể hiện nội dung cháu L muốn chung sống với mẹ.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Ý kiến của bị đơn: Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh D nhưng anh D vắng mặt.

Tại các văn bản gửi qua dịch vụ bưu chính, ông Lê Hải D trình bày: Giữa anh D và chị Q có kết hôn vào năm 2010, có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo L. Trong quan hệ hôn nhân, giữa hai vợ chồng có lúc nóng giận cải vả nhưng không phải là nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn. Anh D không rượu chè, trai gái, bạo lực gia đình, cờ bạc và vấn đề kinh tế gia đình không đến nỗi thiếu thốn. Anh D không rõ lý do tại sao ly hôn. Sau khi đi chơi một tháng về nhà thì hai ngày sau chị Q bỏ đi. Về người trực tiếp nuôi con, anh D hiện có nhà riêng, làm công việc tự do nhưng có thu nhập ổn định, hiện con đang ở chung với anh, đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt. Anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không có yêu cầu cấp dưỡng.

Anh D cung cấp văn bản ghi ý kiến của cháu Lê Trần Bảo L thể hiện nguyện vọng muốn được chung sống với anh L.

3. Chứng cứ mà Tòa án thu thập:

Về việc xem xét ý kiến của con dưới 18 tuổi, Tòa án đã yêu cầu các đương sự đưa cháu L đến để xem xét ý kiến về việc người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng các đương sự không thực hiện.

Về mâu thuẫn hôn nhân, chính quyền địa phương không biết rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Q và anh D.

Ý kiến của cha mẹ ông D: Không biết rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Q và anh D. Chị Q đã 02 lần bỏ đi khỏi nhà chồng, lần thứ nhất vào năm 2014, được một thời gian thì quay lại chung sống với nhau; đến tháng 7/2020 thì chị Q về nhà mẹ ở Bình Định sống cho đến nay, chị Q không nói rõ lý do. Hiện cháu L đã ở cùng với anh D. Ông, bà không hỏi và không biết nguyện vọng của cháu L muốn chung sống với người nào.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát: Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành

đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lê Hải D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Chị Trần Thị Thùy Q và anh Lê Hải D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thùy Q: Trong quan hệ hôn nhân, giữa chị Q và anh D phát sinh mâu thuẫn, chứng cứ thể hiện trước đây chị Q đã từng bỏ đi, không chung sống với anh D và hiện tại giữa chị Q và anh D không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2020 cho đến nay. Gia đình hai bên biết rõ mâu thuẫn nhưng không hòa giải được. Anh D đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện và triệu tập đến Tòa án giải quyết, hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản đối. Do đó, có căn cứ xác định các bên đã không còn quan tâm, thương yêu, chung sống với nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng nên mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Chị Q đồng ý để anh D trực tiếp nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử thấy anh D đủ khả năng trực tiếp nuôi con và căn cứ vào ý kiến của các bên, ý kiến của cháu L tại văn bản mà các bên đã cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến, yêu cầu của các bên, giao cháu L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên phải tôn trọng, không được lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh D và có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi anh D không còn đủ điều kiện nuôi con theo quy định tại Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

[7] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

- Áp dụng Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy Q và anh Lê Hải D.

2. Anh Lê Hải D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Trần Bảo L, sinh ngày 28/9/2012 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Trần Thị Thùy Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi anh Lê Hải D không còn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thùy Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011678 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy